

SỐ: 123 BCTN/CĐUB

Uông Bí, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin
Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin**
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 57 00 526 34 0**
- **Vốn điều lệ: 18.900.000.000 đồng**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.900.000.000 đồng.**
- **Địa chỉ: Phường Bắc Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh.**
- **Số điện thoại: 0333 854 357 - 0333 854 392**
- **Số fax: 0333 854 358**
- **Website: codienuongbi.vn**
- **Mã cổ phiếu (nếu có): UEM**

2. Quá trình hình thành và phát triển

+ Việc thành lập: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin là một Doanh nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy cơ điện Uông Bí, đơn vị trực thuộc Công ty than Vàng Danh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000336 ngày 31/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, thay đổi tên công ty và điều chỉnh vốn điều lệ của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 18/8/2005 đến thay đổi lần 6 ngày 22/05/2012.

+Các sự kiện khác: Không.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700526340 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, cấp thay đổi lần 6 ngày 22 tháng 5 năm 2012 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

-Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa

xe; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động kiến trúc và tư vấn pháp luật có liên quan..

Đến ngày 31/12/2013, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 274 người, trong đó cán bộ quản lý là 48 người. Với đội ngũ cán bộ, công nhân có kinh nghiệm, bản lĩnh và trình độ khá; Với trên 10.000 m² nhà xưởng sản xuất và trên 140 thiết bị gia công cơ khí các loại. Hàng năm, Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 15 đến 20%, doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước, chất lượng sản phẩm ngày càng được coi trọng và nâng cao. Sản phẩm của Công ty cơ bản đáp ứng và cung cấp cho ngành khai thác mỏ than như: Xe goòng chở than từ 1 - 3 tấn; Ghi đường sắt; Máng cào tải than MC/80/15; Sàng than 800 tấn / giờ; Toa xe chở than 30 tấn; Tàu điện phòng nổ 5 - 8 tấn; Đặc biệt là Máy xúc đá phòng nổ XD.0,32 phòng nổ dùng trong hầm lò là sản phẩm đạt giải sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và được Cục sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp...Bình quân hàng năm, Công ty sản xuất và tiêu thụ 1.800 tấn thiết bị và 1.200 tấn phụ tùng các loại phục vụ cho khai thác, chế biến, vận tải than.

+Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong tỉnh Quảng Ninh và cung cấp sản phẩm cho Ngành Than khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

+Hội đồng quản trị, ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra.

+Ban Giám đốc điều hành: Gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

Cơ cấu bộ máy quản lý.

+6 phòng chức năng: (1)Tổ chức hành chính, (2)Kế hoạch vật tư, (3)Cơ điện, (4)Kỹ thuật, (5)Kế toán thống kê tài chính và (6)Bảo vệ thanh tra.

+4 phân xưởng sản xuất tổ chức sản xuất theo công nghệ:

(1)Phân xưởng A1: Đúc kim loại.

(2)Phân xưởng A2: Gia công cắt gọt kim loại.

(3)Phân xưởng A3: Gia công kết cấu, rèn kim loại.

(4)Phân xưởng A4: Sửa chữa, lắp ráp thiết bị cơ điện.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án đầu tư nhất là các hạng mục đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị hiện đại, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Đẩy cao sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đưa Công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam chuyên chế tạo các thiết bị phòng nổ, thiết bị chuyên dùng trong hầm lò phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản Việt Nam.

+Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Thực hiện tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp.

6. **Các rủi ro: Phụ thuộc vào thị trường ngành than khoáng sản Việt Nam**

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

-Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 70.688 triệu đồng bằng 81,2% so với đầu năm ; Tổng Doanh thu đạt 171.066 triệu đồng bằng 106,8% so với năm 2012, bằng 118,8% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 5.702 triệu đồng; so với năm 2012 đạt 100%; so với kế hoạch năm đạt 103,6%.

Các chỉ tiêu đều đạt vượt so với kế hoạch. Tuy nhiên so với năm trước thì quy mô doanh nghiệp giảm . Nguyên nhân chủ yếu là do khủng hoảng và suy giảm kinh tế trong nước. Thời gian cuối năm thiếu việc làm, doanh thu giảm.

Tổ chức và nhân sự:

+Danh sách Ban điều hành: Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1 - Giám đốc:

Họ và tên: Nguyễn Minh Tâm - Sinh năm 16/10/1957

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhân Thanh, Tiên Phong, Vũ Thư, Thái Bình.

Nơi ở: Tổ 5, khu 3, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy.

Bậc lương: 1/2; Thang lương: B17.1; Hệ số lương: 5,98

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1,2%

2 - Phó Giám đốc:

Họ và tên: Lê Văn Tuấn - Sinh năm 12/6/1962

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Đồng Thanh, Kim Động, Hưng Yên.

Nơi ở: Tổ 5, khu 2, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Đại học kinh tế công nghiệp.

Bậc lương: 2/2; Thang lương: B17.2; Hệ số lương: 5,65

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3,0%

3 - Phó Giám đốc:

Họ và tên: Phan Văn Súng - Sinh năm 25/8/1961

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Bình Xá, Tiên Phong, Ân Thi, Hưng Yên.

Nơi ở: Tổ 23, Phú Thanh Đông, phường Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy.

Bậc lương: 1/2; Thang lương: B17.2; Hệ số lương: 5,32

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,7%

4 - Kế toán trưởng:

Họ và tên: Lê Hồng Quang - Sinh năm 08/12/1962

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Bình Dương, Đông Triều, Quảng Ninh

Nơi ở: Tổ 2 khu 11, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Kỹ sư kinh tế cơ khí.

Bậc lương: 2/2; Thang lương: B17.3; Hệ số lương: 5,32

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1,1%

+ Những thay đổi trong ban điều hành: Không

+ Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động. Tổng số CBCNV tại ngày 31/12/2013 là 274 người. Các chính sách đối với người lao động thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Không có thay đổi trong năm.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Có 1 dự án đầu tư được thực hiện trong năm:

1/- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất với Tổng giá trị thực hiện: 2,74 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành đúng tiến độ và đưa vào sử dụng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 87.060.134.907 | 70.687.968.435 | -18,8%- |
| Doanh thu thuần | 159.164.801.152 | 170.877.612.251 | +7,3% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.815.132.584 | 5.631.051.535 | +16,9% |
| Lợi nhuận khác | 887.241.430 | 71.501.334 | -91,9% |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.702.374.014 | 5.702.552.869 | 0% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.661.532.423 | 4.270.523.651 | -8,3% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 12% | 12% | 0% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 1,08 | 1,14 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn | 0,55 | 0,5 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |

| | | | |
|--|------|------|--|
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,74 | 0,68 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,94 | 2,11 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân | 4,10 | 4,56 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,83 | 2,42 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,04 | 0,02 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,33 | 0,19 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,05 | 0,06 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ HĐ KD/Doanh thu thuần | 0,03 | 0,02 | |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: - Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2012</u> |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng số cổ phiếu: | 1.890.000 | 1.479.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 1.890.000 | 1.479.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.890.000 | 1.479.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 1.890.000 | 1.479.000 |
| Trong đó: Chuyển nhượng tự do: | 1.026.549 | 1.026.549 |
| Hạn chế chuyển nhượng: | 863.451 | 863451 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 VND | |

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 57 00100256.

Trụ sở: 226 Lê Duẩn; Đống Đa; Hà Nội.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 668.454 chiếm tỷ lệ: 35,37% vốn Điều lệ.

Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

| TT | Loại | Số lượng | Tỷ lệ |
|----|------|----------|-------|
|----|------|----------|-------|

| | cổ đông | cổ phần | năm giữ (%) |
|-------------|--|-------------------|--------------------|
| 1 | Nhà nước: Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam | 668.454 | 35.37 |
| 2 | Cổ đông trong Công ty | 1.221.546 | 64.63 |
| 3 | Cổ đông ngoài Công ty - Pháp nhân - Thể nhân | 0 0 | 0 0 |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 |
| Tổng | | 1.890.000 | 100 |

Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài (Không có)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

-Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 70.688 triệu đồng bằng 81,2% so với đầu năm ; Tổng Doanh thu đạt 171.066 triệu đồng bằng 106,8% so với năm 2012, bằng 118,8% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 5.702 triệu đồng; so với năm 2012 đạt 100%; so với kế hoạch năm đạt 103,6%.

Các chỉ tiêu đều đạt vượt so với kế hoạch.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Đã được tăng cường và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2- Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại ngày 31/12 là 70.688 triệu đồng, giảm so với đầu năm 18,8% trong đó: Tài sản ngắn hạn 54.758,7 triệu đồng chiếm 77,46%; Tài sản dài hạn 15.929,3 triệu đồng chiếm 22,54%.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản = 8,06%. Đạt cao so với các đơn vị cùng ngành nghề trong nền kinh tế.

Không có nợ phải thu xấu.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại ngày cuối năm là 47.999,1 triệu đồng. Trong đó: nợ ngắn hạn 47.799,1 triệu đồng chiếm 99,6%; nợ dài hạn 200 triệu đồng chiếm 0,4%

– Không có nợ phải trả xấu, không có ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai

-Tập trung đầu tư thiết bị, tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, nâng cao năng suất lao động, tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.** Công ty đã và đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:** Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

3- **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:** Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm. Triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị;

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| TT | HỌ VÀ TÊN | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | GHI CHÚ |
|----|--------------------|--|------------|
| 1 | Nguyễn Minh Tâm | 1,2 | Chủ tịch |
| 2 | Lê Hồng Quang | 1,1 | Thành viên |
| 3 | Lê Văn Tuấn | 3,0 | Thành viên |
| 4 | Phan Văn Sứng | 0,7 | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Trọng Thanh | 0,2 | Thành viên |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ trong năm. Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|-----------|---|
| 1 | 01/2013/BB-HĐQT | 04/3/2013 | 1- Thông qua và phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ năm 2013 Bao gồm: Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng; Quy chế đào tạo bồi dưỡng thi nâng bậc; Quy chế tuyển dụng lao động và Quy chế thi đua khen thưởng. 2. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2013, phê duyệt dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2013. |
| 2 | 02/2013/BB-HĐQT | 30/3/2013 | 1- Thông qua tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 1 năm 2013; Phê duyệt Kế hoạch, mục tiêu quý 2. 2- Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và phê |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | <p>duyet các báo cáo trình ĐHCĐ: Báo cáo của HĐQT về Hoạt động, giám sát của HĐQT trong năm 2012; Báo cáo tài chính năm 2012, Kết quả hoạt động của Công ty và phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2012; Kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn; Kế hoạch, mục tiêu và phương án phân chia lợi nhuận năm 2013; Thù lao cho HĐQT, BKS công ty trong năm 2012 và phương án chi trả thù lao năm 2013; Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động (Sửa đổi).</p> <p>3- Thông qua phương án đề cử nhân sự thay thế thành viên Ban kiểm soát nghị chế độ.</p> |
| 3 | 03/2013/BB-HĐQT | 29/6/2013 | <p>1- Thông qua tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng và phê duyệt kế hoạch SXKD, ĐTXD quý 3.</p> <p>2- Xét thưởng ban quản lý điều hành năm 2012.</p> |
| 4 | 04/2013/BB-HĐQT | 30/9/2013 | <p>1- Thông qua tình hình thực hiện kế hoạch 9 tháng và phê duyệt kế hoạch SXKD, ĐTXD quý 4.</p> |
| 5 | 05/2013/BB-HĐQT | 30/12/2013 | <p>1- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ĐTXD năm 2013.</p> <p>2- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>3- Thông qua các quy chế quản lý nội bộ công ty: Quy chế quản trị công ty; quy chế công bố thông tin, Quy chế quản lý tài chính (sửa đổi), Quy chế lao động tiền lương (Tạm thời).</p> <p>4- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.</p> <p>5- Xem xét việc đưa cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Upcom (tạm thời chưa đưa lên sàn giao dịch trong năm 2014)</p> |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. **Ban Kiểm soát:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| TT | HỌ VÀ TÊN | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | GHI CHÚ |
|----|--------------------|---|------------|
| 1 | Phạm Thị Mai Hương | - | Trưởng ban |
| 2 | Nguyễn Năng Đễ | 0,5 | Thành viên |
| 3 | Trần Hữu Đoàn | 0,25 | Thành viên |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Tổ chức 3 cuộc họp và thực hiện nhiệm vụ theo chức năng Điều lệ Công ty quy định. Nội dung kết quả như sau:

1. Cuộc họp và làm việc ngày 1/3/2013: Thẩm định BCTC năm 2012 và kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, Bộ máy quản lý Công ty.

2. Cuộc họp và làm việc ngày 8/8/2013: Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 6 tháng năm 2013.

3. Cuộc họp và làm việc ngày 25/10/2013: Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 9 tháng năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.)

b)

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (đồng) |
|----|--------------------|----------------------------------|----------------|
| 2 | Nguyễn Minh Tâm | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc | 320.074.400 |
| 3 | Phan Văn Sứng | Thành viên HĐQT - P. Giám đốc | 271.390.000 |
| 4 | Lê Văn Tuấn | Thành viên HĐQT - P. Giám đốc | 270.590.000 |
| 5 | Lê Hồng Quang | Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng | 239.610.000 |
| 6 | Nguyễn Trọng Thanh | Thành viên HĐQT | 162.033.840 |
| 7 | Phạm Thị Mai Hương | Trưởng Ban kiểm soát | 22.374.000 |
| 8 | Nguyễn Năng Đễ | Thành viên Ban kiểm soát | 141.289.920 |
| 9 | Trần Hữu Đoàn | Thành viên Ban kiểm soát | 152.323.840 |

c) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị (đồng) |
|------------------------|--|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Minh Tâm | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty | Cho Công ty vay vốn | 40.993.007 |
| Ông Lê Hồng Quang | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng | Cho Công ty vay vốn | 7.577.711 |
| Ông Nguyễn Trọng Thanh | Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc phân | Cho Công ty vay vốn | 899.408 |

| | | | |
|--------------------|----------------|---------------------|------------|
| | xưởng | | |
| Ông Nguyễn Năng Để | Thành viên BKS | Cho Công ty vay vốn | 27.245.600 |
| Ông Trần Hữu Đoàn | Thành viên BKS | Cho Công ty vay vốn | 8.398.537 |

d)Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

1- Ý kiến kiểm toán: "Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí - Vinacomín tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan"

Đại diện Công ty TNHH kiểm toán BDO

Tổng Giám đốc - Mai Lan Phương (đã ký và đóng dấu.)

2- Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Được đăng tải trên trang Webside của Công ty có tên là: **codienuongbi.vn**

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty

CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm